

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục công trình sửa chữa các tuyến quốc lộ, đường tỉnh thuộc Kế hoạch bảo trì đường bộ năm 2026

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27/6/2024; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư 41/2024/TT-BGTVT của Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Tài chính: số 1832/QĐ-BTC ngày 26/5/2025 về việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; số 2119/QĐ-BTC ngày 24/6/2025 sửa đổi Quyết định số 1832/QĐ-BTC ngày 26/5/2025;

Căn cứ Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 31/8/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 2622/QĐ-UBND ngày 31/7/2025 của UBND tỉnh về việc giao Sở Xây dựng quản lý tài sản kết cấu hạ tầng giao thông quốc lộ được điều chuyển từ Bộ Xây dựng về UBND tỉnh Thanh Hóa quản lý;

Căn cứ Quyết định số 3959/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026, tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 04/TTr-SXD ngày 12/01/2026 về việc phê duyệt danh mục và giao dự toán kinh phí thực hiện công trình sửa chữa các tuyến quốc lộ, đường tỉnh thuộc kế hoạch bảo trì đường bộ năm 2026; của Sở Tài chính tại Tờ trình số 911/TTr-STC ngày 26/01/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục công trình sửa chữa định kỳ các tuyến quốc lộ, đường tỉnh thuộc Kế hoạch bảo trì đường bộ năm 2026 với các nội dung như sau:

1. Danh mục công trình sửa chữa định kỳ các tuyến quốc lộ:

- Tổng số công trình: 32 công trình.

- Tổng mức đầu tư: 364.000 triệu đồng (*Ba trăm sáu mươi tư tỷ đồng*).

(*Chi tiết như Phụ lục 01 kèm theo*).

2. Danh mục công trình sửa chữa định kỳ các tuyến đường tỉnh:

- Tổng số công trình: 36 công trình.

- Tổng mức đầu tư: 303.000 triệu đồng (*Ba trăm linh ba tỷ đồng*).

(*Chi tiết như Phụ lục 02 kèm theo*).

3. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng.

4. Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn sự nghiệp kinh tế (kinh phí duy tu, bảo trì đường tỉnh và quốc lộ) trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2026 và các năm tiếp theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Xây dựng tổ chức triển khai thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

2. Sở Tài chính trên cơ sở danh mục công trình đã được phê duyệt, thông báo dự toán chi ngân sách Nhà nước cho Sở Xây dựng để triển khai thực hiện.

3. Sở Xây dựng, Sở Tài chính chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác, phù hợp theo quy định của pháp luật đối với số liệu, nội dung tham mưu, đề xuất nêu trên.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3- QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CN (V).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Mai Xuân Liêm

PHỤ LỤC SỐ 01:**Danh mục công trình sửa chữa các tuyến quốc lộ thuộc Kế hoạch bảo trì đường bộ năm 2026***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Tên công trình/Hạng mục	Quy mô, giải pháp sửa chữa chủ yếu	TMDT (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng		364.000	
1	Xử lý thoát nước khu vực nút giao ngã ba Km83+985, QL.15	- Sửa chữa, gia cố hệ thống thoát nước	2.000	
2	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn Km36+900-Km37+800, Quốc lộ 15	- Sửa chữa nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	2.800	
3	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn Km100+850-Km103+303, Quốc lộ 15	- Sửa chữa nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	13.800	
4	Sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và ATGT đoạn Km7+00-Km9+00, Quốc lộ 15C	- Sửa chữa nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, gia cố hệ thống thoát nước; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	9.500	
5	Sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và ATGT đoạn Km22+600-Km26+00, Quốc lộ 15C	- Sửa chữa nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, gia cố hệ thống thoát nước; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	15.000	
6	Sửa chữa nền mặt đường và hệ thống ATGT đoạn Km0+00 - Km4+520, Quốc lộ 16	- Gia cố lề, Sửa chữa nền, mặt đường và thảm BTN; - Hoàn thiện hệ thống ATGT	18.800	

TT	Tên công trình/Hạng mục	Quy mô, giải pháp sửa chữa chủ yếu	TMĐT (triệu đồng)	Ghi chú
7	Sửa chữa nền mặt đường và hệ thống ATGT đoạn Km7+00- Km11+700, Quốc lộ 16	- Gia cố lề, Sửa chữa nền, mặt đường và thảm BTN; - Hoàn thiện hệ thống ATGT	15.900	
8	Sửa chữa nền mặt đường, hệ thống thoát nước và ATGT đoạn Km19+00 - Km22+00 Quốc lộ 16	- Gia cố lề, Sửa chữa nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, gia cố hệ thống thoát nước; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	14.000	
9	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn Km1+600 - Km2+800, Quốc lộ 47	- Sửa chữa nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	4.500	
10	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn Km4+00-Km4+100, Km9+300-Km11+800, Quốc lộ 47	- Sửa chữa nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	15.300	
11	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn Km17+950 - Km19+600, Quốc lộ 47	- Sửa chữa nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	15.000	
12	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn Km22+00-Km22+400, Quốc lộ 47	- Sửa chữa nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	3.100	
13	Sửa chữa, gia cố móng trụ cầu Bái Thượng tại Km67+529, Quốc lộ 47	- Sửa chữa, gia cố móng trụ cầu	9.600	
14	Sửa chữa nền, mặt đường hai bên đầu cầu Vàng tại Km7+591, cầu Làng Chiềng tại Km20+500; sửa chữa khe co giãn cầu Ô tô số 33 tại Km3+400; Sửa chữa cống ngang tại Km4+130, Quốc lộ 47B	- Sửa chữa nền, mặt đường và thảm BTN đầu cầu Vàng, cầu Làng Chiềng; - Thay thế khe co giãn mặt cầu ô tô số 33 bằng khe răng lược; - Nối dài cống thoát nước ngang đường, đảm bảo chiều dài cống L=9m	6.800	

TT	Tên công trình/Hạng mục	Quy mô, giải pháp sửa chữa chủ yếu	TMĐT (triệu đồng)	Ghi chú
15	Sửa chữa, gia cố móng trụ cầu Hạnh Phúc tại Km12+500, Quốc lộ 47B	- Gia cố móng trụ cầu; - Kiểm định đánh giá khả năng chịu lực của cầu	22.000	
16	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn Km18+800-Km19+500; Km21+100-Km23+100, QL.47B (Đoạn từ CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn)	- Sửa chữa nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	16.100	
17	Xử lý điểm sạt lở đoạn Km56+400-Km56+540 (PT); Km55+870-Km55+930 (PT); Km56+630-Km56+800 (PT), QL.47B (Đoạn từ CHK Thọ Xuân đi KKT Nghi Sơn)	Xử lý điểm sạt lở đảm bảo an toàn giao thông, an toàn công trình	2.200	
18	Sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và ATGT đoạn Km6+700-Km12+200, sửa chữa cống ngang tại Km12+980, Quốc lộ 47C	- Sửa chữa nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, gia cố hệ thống thoát nước, cống thoát nước; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	21.100	
19	Sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và ATGT đoạn Km36+320-Km38+00, Km38+650-Km39+350, Quốc lộ 47C	- Sửa chữa nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT - Sửa chữa hệ thống thoát nước	6.900	
20	Sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước và ATGT đoạn Km8+800 - Km8+950; Km9+250 - Km9+400 và sửa chữa hệ thống thoát nước đoạn Km0+00-Km0+200, Km7+650-Km7+800, Km7+980-Km8+750, Km9+200-Km9+250, Km9+400- Km9+480 Quốc lộ 217	- Gia cố lề, sửa chữa nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, gia cố hệ thống thoát nước; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	5.100	

TT	Tên công trình/Hạng mục	Quy mô, giải pháp sửa chữa chủ yếu	TMĐT (triệu đồng)	Ghi chú
21	Sửa chữa nền, mặt đường, rãnh thoát nước và hệ thống ATGT đoạn Km46+00 - Km46+324, Km47+300 - Km51+600, sửa chữa hệ thống thoát nước Km45+027-Km46+00 Quốc lộ 217	- Sửa chữa nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, gia cố hệ thống thoát nước; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	18.400	
22	Sửa chữa nền, mặt đường, rãnh thoát nước và hệ thống ATGT đoạn Km52+498 - Km52+850, Km53+730 - Km54+750, Quốc lộ 217	- Sửa chữa nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, gia cố hệ thống thoát nước; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	6.800	
23	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn Km172+00-Km175+00, Quốc lộ 217	- Sửa chữa nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	11.500	
24	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, hệ thống thoát nước, ATGT đoạn Km13+500 - Km13+700 và Km37+100 - Km38+00, Quốc lộ 217B	- Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, gia cố hệ thống thoát nước ; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	4.300	
25	Sửa chữa hư hỏng nền mặt đường, hệ thống thoát nước, ATGT đoạn Km45+500 - Km50+700, Quốc lộ 217B	- Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, gia cố hệ thống thoát nước; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	15.900	
26	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn Km29+00 - Km33+00; Sửa chữa rãnh thoát nước đoạn Km24+170 - Km25+400(P); Km24+518 - Km25+072(T); Km25+315 - Km25+400(T); Km32+030 - Km32+180(T); Km32+170 - Km33+00(P); Km32+400 - Km32+800(T), QL.45	- Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, gia cố hệ thống thoát nước, hồ lắng; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	15.000	

TT	Tên công trình/Hạng mục	Quy mô, giải pháp sửa chữa chủ yếu	TMĐT (triệu đồng)	Ghi chú
27	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn Km212+00 - Km212+500. Sửa chữa rãnh thoát nước đoạn: Km209+700 - Km210+00(T); Km212+150 - Km212+370(T); Km214+530 - Km215+00(T); Km214+530 - Km215+511(P); Km215+571 - Km216+00(T); Km215+680 - Km215+900(P); Km219+600 - Km219+780(P); Km220+00 - Km220+400(P); Km222+100 - Km223+050(T), Quốc lộ 10	- Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, gia cố hệ thống thoát nước; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	15.000	
28	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn Km43+180 - Km45+850; Sửa chữa rãnh thoát nước đoạn: Km36+150 - Km36+215 (T); Km38+100 - Km38+900(P); Km44+750-Km45+550(T), QL.45	- Gia cố lề, sửa chữa nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, gia cố hệ thống thoát nước; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	15.500	
29	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn Km88+400 - Km90+050; Sửa chữa rãnh thoát nước đoạn Km100+300 - Km100+950(T); Km100+700 - Km100+900(P); Km102+850 - Km103+500(P); Km104+720-Km105+200 (2 bên); Km105+200-Km106+00(P), Km105+230-Km105+480 (T); Km105+720-Km105+830 (T), QL.45	- Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, gia cố hệ thống thoát nước; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	15.300	
30	Sửa chữa nền, mặt đường, rãnh thoát nước và hệ thống ATGT đoạn Km106+00 - Km108+00, QL.45	- Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, gia cố hệ thống thoát nước; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	14.300	

TT	Tên công trình/Hạng mục	Quy mô, giải pháp sửa chữa chủ yếu	TMĐT (triệu đồng)	Ghi chú
31	Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT trên quốc lộ đi qua Trường Học tại Km15+210; Km21+050; Km35+230; Km36+220; Km38+600; Km38+690; Km42+670; Km44+130; Km46+950; Km49+830; Km52+560; Km65+700; Km65+875; Km67+710; Km70+670; Km70+680; Km70+760; Km96+330; Km104+220; Km105+626; Km107+750; Km112+643; Km112+870; Km117+750, QL.45	- Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống báo hiệu đường bộ, ATGT đoạn tuyến sửa chữa và các vị trí trường học - Sửa chữa, gia cố hệ thống thoát nước	3.900	
32	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường và hệ thống ATGT đoạn Km44+900 - Km45+00; Km45+800 - Km45+970; Km46+100-Km46+630; Km47+220-Km48+500; Km49+250 - Km49+600; Km49+700 - Km50+00; Km50+200 - Km50+300; Km50+600 - Km50+700; Km51+180 - Km51+300; Km52+800 - Km52+900; Bổ sung rãnh thoát nước dọc đoạn Km47+520-Km47+580(T); Km47+950 - Km48+250 (T); Km48+010 -Km48+250(P); Km49+480-Km49+700(T+P); Km51+730 - Km52+030(P), đường Nghi Sơn - Bãi Trành	- Sửa chữa nền, mặt đường và thảm BTN; - Sửa chữa, gia cố hệ thống thoát nước; - Sửa chữa, hoàn thiện hệ thống ATGT	8.600	

PHỤ LỤC SỐ 02:**Danh mục công trình sửa chữa các tuyến đường tỉnh thuộc Kế hoạch bảo trì đường bộ năm 2026***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Tên công trình/Hạng mục	Quy mô sửa chữa	TMDT (triệu đồng)	Ghi chú
	Tổng cộng		303.000	
1	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề đoạn Km6+00-Km8+880 đường Đình Hương - Giàng - Thiệu Đô (ĐT.502)	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề và ATGT	10.700	
2	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km2+850 - Km4+00; Km6+550-Km6+650; Km8+200-Km8+850, sửa chữa cầu Khe Trén Km6+550 đường Thăng Long - Xuân Thái - đường Nghi Sơn - Bãi Trành (ĐT.505B)	Sửa chữa nền, mặt đường, ATGT và hệ thống thoát nước Sửa chữa lan can, bổ sung bậc lên xuống cầu Khe Chén	10.300	
3	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km9+567 - Km10+350 đường TT Thiệu Hóa - Xuân Lam - Xuân Vinh (ĐT.506B)	Sửa chữa nền, mặt đường, ATGT và hệ thống thoát nước	6.000	
4	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km17+400 - Km22+00 đường TT Thiệu Hoá - Xuân Vinh - Xuân Lam (ĐT.506B)	Sửa chữa nền, mặt đường, ATGT và hệ thống thoát nước	14.200	
5	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề và hệ thống thoát nước đoạn Km8+800 - Km9+250, Km9+930 - Km10+950 đường Yên Phong - Cầu Bụt (ĐT.506C)	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề, ATGT và hệ thống thoát nước	10.300	

TT	Tên công trình/Hạng mục	Quy mô sửa chữa	TMDT (triệu đồng)	Ghi chú
6	Sửa chữa dầm, khe co giãn, mặt cầu, ống thoát nước, bổ sung chốt chống chuyển vị cầu Suối Hường Km18+750 đường Xuân Thiên - Ngọc Phụng (ĐT.506E)	Sửa chữa dầm, khe co giãn, ống thoát nước, bổ sung chốt chống chuyển vị	600	
7	Sửa chữa nền, mặt đường đảm bảo giao thông đoạn Km21+400 - Km22+00 đường Hoàng Long -Hoàng Đại - Ngã tư Gòong - Chợ Vực (ĐT.510)	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống ATGT	2.200	
8	Sửa chữa lan can cầu Hậu Km5+017, cầu Song Km6+814,97; sửa chữa dầm, khe co giãn, lan can cầu Hùng Sơn Km5+814,97 đường Tân Dân - Chuồng (ĐT.512 tuyến chính)	Sửa chữa lan can, khe co giãn, dầm cầu	7.200	
9	Sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước đoạn Km2+600 - Km5+00, Km8+500 - Km9+605 đường Tân Dân - Chuồng (ĐT.512 tuyến chính)	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	13.300	
10	Sửa chữa khe co giãn, tứ nón, bậc lên xuống cầu Bồng Sa Km15+630, sửa chữa cống tại Km15+250 đường Cầu Thiều - Thượng Ninh (ĐT.514)	Sửa chữa khe co giãn, tứ nón cầu, sửa chữa cống	1.250	
11	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề đảm bảo giao thông đoạn Km2+00-Km4+800 đường Định Tiến - Yên Hùng (ĐT.516D)	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề	8.700	
12	Sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước đoạn Km2+900 - Km5+700 và hệ thống thoát nước đoạn Km2+800-Km2+900 đường Kiều - Đỗ Ấn (ĐT.518)	Sửa chữa nền, mặt đường, ATGT và hệ thống thoát nước	12.700	
13	Sửa chữa, thay thế tràn Km11+045 thành cầu đường Kiều - Ấn Đỗ (ĐT.518)	Sửa chữa, thay thế tràn thành cầu	8.000	

TT	Tên công trình/Hạng mục	Quy mô sửa chữa	TMDT (triệu đồng)	Ghi chú
14	Sửa chữa hệ thống thoát nước và gia cố lề đoạn Km2+540-Km2+920 đường tỉnh Kiểu - Ấn Độ (ĐT.518)	Sửa chữa hệ thống thoát nước và gia cố lề	1.450	
15	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề và hệ thống thoát nước đoạn Km6+800-Km8+00, Km9+780-Km10+500, Km13+550-Km14+700 đường Yên Trường - TT. Thống Nhất - Xuân Tín (ĐT.518C)	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề, ATGT và hệ thống thoát nước	12.900	
16	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề và hệ thống thoát nước đoạn Km3+00 - Km6+00 đường Quang Trung - Thiết Ống (ĐT.518E)	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề, ATGT và hệ thống thoát nước	11.700	
17	Sửa chữa dầm, khe co giãn, mặt cầu, ống thoát, bổ sung chốt chống chuyển vị và hệ thống ATGT cầu Vụng Mệt Km8+463 đường Mục Sơn - Hón Can (ĐT.519)	Sửa chữa dầm, khe co giãn, ống thoát nước, bổ sung chốt chống chuyển vị và hệ thống ATGT	1.800	
18	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề và hệ thống thoát nước đoạn Km20+00- Km20+650, Km22+00-Km22+150 đường TT Sao Vàng - Bình Sơn - Luận Thành - Bù Đồn (ĐT.519B)	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề, ATGT và hệ thống thoát nước	6.000	
19	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề và hệ thống thoát nước đoạn Km0+400-Km2+00 đường Thị trấn Yên Cát - Xuân Khang (ĐT.520C)	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề, ATGT và hệ thống thoát nước	7.700	
20	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề và hệ thống thoát nước đoạn Km12+050-Km14+00 đường Thị trấn Yên Cát - Thanh Quân (ĐT.520D)	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề, ATGT và hệ thống thoát nước	8.300	
21	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km13+100 - Km14+020, Km14+320 - Km14+550 đường Vạn Mai - Trung Sơn (ĐT.521)	Sửa chữa nền, mặt đường, ATGT và hệ thống thoát nước	5.900	

TT	Tên công trình/Hạng mục	Quy mô sửa chữa	TMDT (triệu đồng)	Ghi chú
22	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề, hệ thống thoát nước và ATGT đoạn Km0+00 - Km0+926, Km3+00-Km5+00 đường Mường Lát - Mường Lý (ĐT.521D)	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề, ATGT và hệ thống thoát nước	9.800	
23	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề và hệ thống thoát nước đoạn Km0+920-Km1+140, Km1+710 - Km4+00 đường Thành Tâm-Thành Long-Vĩnh Hưng-Thị trấn Vĩnh Lộc (ĐT.522)	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề, ATGT và hệ thống thoát nước	13.700	
24	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km20+400-Km21+800 đường Thành Tâm-Thành Long-Vĩnh Hưng-Thị trấn Vĩnh Lộc (ĐT.522)	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước	6.600	
25	Sửa chữa hư hỏng nền, mặt đường, gia cố lề và hệ thống thoát nước đoạn Km20+00-Km22+900 đường Hoạt Giang - Cầu Cừ - Kim Tân - Dốc Trầu - Thạch Quảng (ĐT.523)	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề, ATGT và hệ thống thoát nước	19.100	
26	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề và hệ thống thoát nước đoạn Km23+500-Km25+400 đường Hoạt Giang - Cầu Cừ - Kim Tân - Dốc Trầu - Thạch Quảng (ĐT.523)	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề, ATGT	12.400	
27	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề và hệ thống thoát nước đoạn Km27+100 - Km28+100, Km30+500 - Km31+100 đường Cẩm Tú - Điền Lư (ĐT.523B)	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề, ATGT và hệ thống thoát nước	7.200	
28	Sửa chữa cầu Hón Uông Km26+300 đường Cẩm Tú - Điền Lư (ĐT.523B)	Sửa chữa, thay thế cầu	4.500	

TT	Tên công trình/Hạng mục	Quy mô sửa chữa	TMDT (triệu đồng)	Ghi chú
29	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề đảm bảo giao thông đoạn Km3+900 - Km4+100, Km9+500 - Km10+200, Km10+900 - Km11+100, Km12+700 - Km13+700 đường Cẩm Phong - Cẩm Lương - Cẩm Thạch (ĐT.523E)	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề và hệ thống ATGT	6.700	
30	Sửa chữa, thay thế cầu Dầm Km7+200 đường Chợ Kho - Minh Thọ (ĐT.525 tuyến chính)	Sửa chữa, thay thế cầu, sửa chữa khe co giãn	5.200	
31	Sửa chữa nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đoạn Km3+400 - Km4+600, sửa chữa mặt cầu, khe co giãn cầu Đa Nam Km3+400 đường Cầu Hà Lan - QL10 (ĐT.527)	Sửa chữa nền, mặt đường, ATGT và hệ thống thoát nước, sửa chữa mặt, khe co giãn	9.300	
32	Sửa chữa cầu Giá Km4+498 ĐT.527C đường Thị Trấn Hà Trung-Hà Lan (ĐT.527C).	Sửa chữa, thay thế cầu	5.500	
33	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề và hệ thống thoát nước đoạn Km24+500 - Km26+00 đường Lang Chánh - Trung Hạ (ĐT.530B)	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề, ATGT và hệ thống thoát nước	7.100	
34	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề và hệ thống thoát nước đoạn Km4+500-Km8+146 đường Trí Nang - Giao Thiện - Lương Sơn - (ĐT.530D)	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề, ATGT và hệ thống thoát nước	15.200	
35	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề và hệ thống thoát nước đoạn Km10+100-Km12+800 và sửa chữa cầu Km15+480 đường Trí Nang - Giao Thiện - Lương Sơn (ĐT.530D)	Sửa chữa nền, mặt đường, gia cố lề, ATGT và hệ thống thoát nước Sửa chữa, thay thế cầu	18.400	
36	Bổ sung hệ thống ATGT và đăng ký lại tuyến đường từ QL.1A đi nhà máy Xi măng Long Sơn và KCN phía Đông thị xã Bỉm Sơn (Km0+00 - Km5+092 và Km5+718 - Km8+825)	Bổ sung hệ thống ATGT và đăng ký lại tuyến	1.100	